

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thề

Ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2021/HNGĐ- ST, ngày 23 tháng 12 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX - HNGĐ, ngày 29/3/2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 10/2021/TB-TA ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh H (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Kỳ Đ, huyện K, tỉnh H (Hiện đang Lao động tại Hàn Quốc - Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Nga trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2018 tại UBND xã Kỳ G, huyện K, tỉnh H. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh Đ tại xã K, huyện K được khoảng một tháng thì anh Đ sang Hàn Quốc làm ăn và vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng còn trẻ nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Đến nay, anh Đ không còn quan tâm gì đến chị và hai người không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị Trần Thị N xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N. Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc và nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh ở Hàn Quốc. Tại công văn số 30772/QLXNC - P5, ngày 14/12/2021 và danh sách xuất cảnh kèm theo của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/7/1992 đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 26/6/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Nguyễn Văn Đ thông qua người thân của anh là bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh Đ). Theo đó, quá trình xác minh được bà Nguyễn Thị H cung cấp thông tin anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị N là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã K và hai người chưa có con chung. Sau khi kết hôn, chị N và anh Đ về sống chung cùng gia đình bà H tại thôn Y, xã K, huyện K được khoảng hai tháng thì anh Đ quay lại Hàn Quốc làm ăn cho đến nay. Anh Đ vẫn thường liên lạc với gia đình qua điện thoại, còn địa chỉ cụ thể của anh như thế nào tại Hàn Quốc thì bà không biết vì anh Đ chỉ nói ở Hàn Quốc. Vì vậy, bà Nguyễn Thị H không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ để cung cấp cho Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ thì bà không biết. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án ly hôn giữa chị N và anh Đ do Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh gửi về, bà H đã thông tin cho anh Đ được biết. Qua nói chuyện điện thoại, anh Đ có nói việc ly hôn với chị N thì anh đồng ý nhưng với điều kiện chị N phải trả lại 09 chỉ vàng do bố mẹ, anh chị em và bạn bè bên gia đình anh Đ cho vợ chồng lúc cưới.

Tại buổi làm việc với bà Nguyễn Thị H, đại diện Tòa án có đề nghị bà kết nối điện thoại với anh Đ để Tòa án làm việc với anh và được bà Hồng đồng ý kết nối điện thoại với anh Đ. Thông qua cuộc gọi hình ảnh trên ứng dụng

Messenger tên người gọi “Đa L” được bà H cũng như đại diện chính quyền địa phương xác nhận người gọi là anh Nguyễn Văn Đ. Trao đổi qua điện thoại, anh Nguyễn Văn Đ trình bày hiện nay anh đang lao động tại Hàn Quốc, do tính chất công việc của anh lúc làm chỗ này, lúc làm chỗ khác nên anh không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho tòa án. Việc chị Trần Thị N xin ly hôn thì anh đã biết và anh cũng đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và vợ chồng cũng chưa có con chung. Tuy nhiên, anh yêu cầu chị N phải trả lại cho anh 08 chỉ vàng 9999 là số vàng mà bố mẹ, anh chị em và bạn bè của anh cho vợ chồng khi cưới.

Do anh Nguyễn Văn Đ không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh ở Hàn Quốc. Vì vậy, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng anh Nguyễn Văn Đ theo quy định.

2. Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và hai người đã đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2018 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh H. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Đ là hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa hai người thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau được khoảng một tháng thì anh Đông sang Hàn Quốc làm ăn cho đến nay. Do vợ chồng còn trẻ, thường xuyên bắt đồng quan điểm sống cùng với khoảng cách về địa lý nên hai người không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến nay, cả chị N và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được với nhau.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng tôn trọng, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*” nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N với anh Nguyễn Văn Đ để mỗi người sớm ổn định cuộc sống là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với anh Nguyễn Văn Đ quá trình xác minh, thông qua cuộc gọi trên ứng dụng Messenger, anh Đ có trình bày anh đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện chị N phải trả lại cho anh 09 chỉ vàng do bố mẹ, anh chị em và bạn bè bên gia đình anh Đ cho vợ chồng lúc cưới. Tuy nhiên, về tài liệu, chứng cứ liên quan đến số vàng như anh trình bày thì anh không có để cung cấp cho Tòa án, còn chị N trình bày khi cưới, vợ chồng có được gia đình hai bên nội, ngoại cho vài chỉ vàng nhưng khi anh Đ sang Hàn Quốc làm ăn và vợ chồng đều cần chi tiêu nên

cả hai đã sử dụng hết số vàng này. Vì vậy, về tài sản chung chị N khẳng định không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Đ cũng khẳng định anh không có bất kì tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về số vàng nêu trên. Do đó, việc anh Đ có yêu cầu giải quyết về tài sản chung là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản chung trong vụ án này. Trường hợp sau này, anh Đ có tài liệu, chứng cứ chứng minh được giữa vợ chồng có tài sản chung thì anh có thể khởi kiện bằng vụ án “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo quy định.

3. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000078 ngày 23/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương Huyền